

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 28-8 -2018.

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

2. Ông Hoàng Viết Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 531/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn H - sinh năm 1967 - có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị C - sinh năm 1970 - có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hồ Văn H trình bày như sau:

Tôi và bà Trần Thị C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa tôi và bà C có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ năm 2015 thì mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa.

Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa nên tôi và bà C đề nghị Tòa án không công nhận tôi và bà C là vợ chồng.

Về con chung: Tôi và bà C có hai người con chung là Hồ Thị Thu T - sinh ngày 02/3/1995 và Hồ Thị Kim C1 - sinh ngày 23/9/1999. Các cháu đều đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống của mình nên chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị C trình bày như sau:

Tôi và ông Hồ Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa tôi và ông H có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ năm 2015 thì mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nên tôi và ông H đề nghị Tòa án không công nhận tôi và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Tôi và ông H có hai con gái chung là cháu Hồ Thị Thu T - sinh ngày 02/3/1995, cháu Hồ Thị Kim C1 - sinh ngày 23/9/1999. Các cháu đều đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống của mình nên chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Hồ Văn H và bà Trần Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông Hồ Văn H và bà Trần Thị C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn nên xác định đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy: Ông H và bà C có đăng ký thường trú và chung sống tại địa chỉ: Đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống giữa ông H và bà C phát sinh mâu thuẫn, địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay ông Hồ Văn H và bà Trần Thị C đều có nguyện vọng yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa ông H và bà C là vợ chồng. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông H và bà C về việc

không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà C và ông H có hai người con chung là Hồ Thị Thu T - sinh ngày 02/3/1995 và Hồ Thị Kim C - sinh ngày 23/9/1999. Các cháu đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hồ Văn H và bà Trần Thị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Hồ Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Hồ Văn H.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa ông Hồ Văn H và bà Trần Thị C là vợ chồng.

- Về con chung: Các con chung là Hồ Thị Thu T - sinh ngày 02/3/1995 và Hồ Thị Kim C - sinh ngày 23/9/1999 đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hồ Văn H và bà Trần Thị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Hồ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Hồ Văn H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0007555 ngày 03 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đông